

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thực hiện Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai lĩnh vực đấu thầu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thực hiện Quyết định số 5016/QĐ-BNN-KTHT ngày 21/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quyết định số 257/QĐ-BNN-XD ngày 17/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực quản lý xây dựng công trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình (Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Bãi bỏ 07 thủ tục hành chính ban hành tại các Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 13/10/2016, Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 23/9/2017, Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính Phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học – Công báo;
- Lưu: VT, VP6, VP11

ĐN06/KSTTHC2019

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Quang Thìn



Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Ninh Bình)

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật							
1	Thủ tục công nhận cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm. BNN-NBI-288189	45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		Không	X	- Thông tư 18/2012/TT-/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính
2	Thủ tục công nhận vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm. BNN-NBI-288190	30 (Ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		Không	X	- Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012; - Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính

3	Thủ tục cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm. BNN-NBI-288191	15 (Mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		Không	X	 - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012; - Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính
---	---	---	---------------------------------------	--	-------	---	---

Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

1	Thủ tục nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	05 (lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		Không	X	- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
---	--	---	---------------------------------------	--	-------	---	--

Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình

1	Thủ tục phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu	Không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		1/ Chi phí thẩm định HSMQT, HSMST bằng 0,03% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng, tối đa 30.000.000 đồng; 2/ Chi phí thẩm định HSMT, HSYC bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng, tối đa 50.000.000 đồng.	X	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013. - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ - Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
---	---	--	---------------------------------------	--	---	---	--

2	Thủ tục phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.	Kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ: 1/Kết quả đánh giá HSQT, HSDST trong thời gian không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong nước, không quá 40 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế; 2/ Kết quả đánh giá HSĐX trong thời gian không quá 40 (bốn mươi) ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong nước, không quá 50 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế; 3/ Kết quả đánh giá HSDT trong thời gian không quá 55 (lăm mươi lăm) ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong nước, không quá 70 (bảy mươi) ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế;	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		1/ Chi phí đánh giá HSQT, HSDST bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng, tối đa 30.000.000 đồng 2/Chi phí đánh giá HSDT, HSĐX bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng, tối đa 50.000.000 đồng 3/ Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu kể cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng	X	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013. - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014. - Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
---	---	--	--	--	---	----------	--

3	Thủ tục phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	25 (Hai mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn			X	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013. - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014. - Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
---	--	--	---------------------------------------	--	--	---	--



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 142 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Thủ tục hành chính cấp tỉnh

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật			
1	BNN-NBI 288189	Thủ tục công nhận cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 23/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung TTHC ban hành mới; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở NN&PTNT tỉnh Ninh Bình
2	BNN-NBI-288190	Thủ tục công nhận vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm		
3	BNN-NBI 288191	Thủ tục cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
II Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn				
1	BKH-NBI-272037	Thủ tục nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính Phủ	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ kế hoạch đầu tư	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	BKH-NBI-272038	Thủ tục nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ		
III Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình				
1	NBI-282816	Thủ tục thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Ninh Bình.
2	NBI-282817	Thủ tục thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm (HSQT), hồ sơ dự sơ tuyển (HSDST), danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu		